

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 374/2024/DS-PT

Ngày: 14-8-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Giàu.

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thanh Giang

Bà Phạm Thị Hồng Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 332/2024/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Thái Văn V, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Lê Ngọc N, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1983; Cùng cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông N: Ông Trần Minh T1, sinh năm 1987; cư trú tại: Số F, khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản uỷ quyền ngày 05-4-2024); có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Mai Thành T2, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Ông Trần Minh T1 là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê Ngọc N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Trong đơn khởi kiện ngày 11/8/2023, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn ông Thái Văn V trình bày:*

Ông có cho vợ chồng ông Lê Ngọc N, bà Nguyễn Thị Mai T vay các khoản tiền như sau:

Lần thứ 1: Ngày 22/10/2022 âm lịch ông N, bà T vay số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng, lãi suất 1.2%/tháng. Ông N hứa hẹn 03 tháng sẽ trả nợ và ký xác nhận vào bản cam kết giao cho ông giữ bản chính.

Lần thứ 2: Ngày 25/10/2022 âm lịch ông N, bà T vay số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận miệng 1.2%/tháng. Ông N hẹn 03 tháng sau sẽ trả nợ và ký tên xác nhận vào bản cam kết giao cho ông giữ bản chính.

Lần thứ 3: Ngày 08/11/2022 âm lịch ông N, bà T vay số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận miệng 1.2%/tháng, hẹn 03 tháng sau sẽ trả nợ. Bà T nhận tiền và ký xác nhận vào bản cam kết giao cho ông giữ bản chính.

Lần thứ 4: Ngày 23/11/2022 âm lịch ông N, bà T vay số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận miệng 1.2%/tháng, hẹn 03 tháng sau sẽ trả nợ. Bà T nhận tiền và ký xác nhận vào bản cam kết giao cho ông giữ bản chính.

Tổng số tiền nợ gốc vợ chồng ông N, bà T vay là 450.000.000 đồng, vay tiền để mua xe ô tô. Năm 2023, ông N có kêu ông Mai Thành T2 có nghĩa vụ trả nợ cho ông nhưng ông không chấp nhận. Từ khi vay tiền cho đến nay, vợ chồng ông N, bà T đã trả cho ông được số tiền 15.000.000 đồng nợ gốc và chưa trả tiền lãi.

Theo đơn khởi kiện ông V yêu cầu vợ chồng ông N, bà T trả cho ông số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 23/11/2022 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử. Tại phiên tòa ông thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông N, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc còn lại 435.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 23/11/2022 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 10%/năm, không yêu cầu tính lãi suất quá hạn, tiền lãi của nợ lãi chưa trả. Ông V không yêu cầu ông Mai Thành T2 trả nợ vì ông N, bà T là người vay tiền của ông thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Ngọc N trình bày:* Năm 2022 âm lịch vợ chồng ông có vay tiền của ông Thái Văn V 04 lần như lời trình bày nêu trên của ông V. Lãi suất thoả thuận miệng 60.000đồng/1.000.000 đồng/tháng. Từ khi vay tiền cho đến nay vợ chồng ông đã trả nhiều lần tiền lãi cho ông V nhưng không nhớ rõ đã trả bao nhiêu tiền vì không lập giấy tờ giao nhận. Ông xác định còn nợ ông V số tiền nợ gốc của 04 khoản vay là 450.000.000 đồng và tiền lãi.

Đến năm 2023 giữa ông N, ông V và ông Mai Thành T2 đã có thoả thuận miệng với nhau do ông T2 vay tiền của ông N nên ông T2 phải có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi mà ông N nợ ông V. Do đã chuyển giao nợ cho ông T2 nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, ông T2 phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông V.

\* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T trình bày:* Bà là vợ của ông Lê Ngọc N, bà thừa nhận có đến nhà ông V để nhận số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 08/11/2022 âm lịch và số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 23/11/2022 âm lịch đồng thời có ký nhận vào 02 tờ cam kết nợ giao cho ông V giữ bản chính. Mục đích bà nhận các khoản tiền này là để giao cho ông Mai Thành T2.

Bà không biết ông N có vay tiền của ông V hay không, thời hạn, lãi suất vay bà cũng không nắm rõ. Theo bà được biết ông V, ông N, ông T2 có thống nhất với nhau toàn bộ khoản tiền nợ gốc 450.000.000 đồng vợ chồng bà ký nhận tiền với ông V là do ông T2 chịu trách nhiệm trả nợ cho ông V. Vợ chồng bà không vay tiền của ông V mà nhận tiền giùm cho ông T2 nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

\* *Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Thành T2 trình bày:* Do ông có vay tiền của ông N nên vào năm 2023 các bên có thoả thuận ông sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho ông V với số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi. Các bên chỉ nói miệng với nhau mà không lập giấy tờ về việc thoả thuận này. Sau khi thoả thuận cho đến nay thì ông không có tiền trả cho ông V. Ông không vay tiền của ông V nhưng ông N yêu cầu ông có nghĩa vụ trả nợ cho ông V thì ông sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho ông V.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn V về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với ông Lê Ngọc N, bà Nguyễn Thị Mai T.

Buộc vợ chồng ông Lê Ngọc N và bà Nguyễn Thị Mai T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Thái Văn V tổng cộng số tiền 494.329.000 (Bốn trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 435.000.000 (Bốn trăm ba mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi 59.329.000 (Năm mươi chín triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/5/2024 ông Trần Minh T1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn N1 làm đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần Minh Trung đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Ngọc N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn ông Thái Văn V yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Ngọc N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo của ông Trần Minh T1 là người đại diện hợp pháp cho bị đơn ông Lê Ngọc N là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

Ông Thái Văn V có cho vợ chồng ông Lê Ngọc N, bà Nguyễn Thị Mai T vay tổng cộng 04 lần số tiền 450.000.000 đồng, ông N, bà T đã trả được 15.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền gốc là 435.000.000 đồng. Nay ông V khởi kiện yêu cầu ông N, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền gốc còn nợ lại 435.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày 23/11/2022 âm lịch (tức là ngày 16/12/2022 dương lịch) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn ông N, bà T cho rằng đã chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho ông Mai Thành T2 nên ông T2 là người trả nợ cho ông V. Vợ chồng ông N, bà T không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông V.

Sau khi xét xử sơ thẩm người đại diện hợp pháp của ông N là ông Trần Minh T1 làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, ông N chỉ đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng theo giấy nợ viết tay có chữ ký của ông N. Bà Nguyễn Thị Mai T (vợ ông N) không kháng cáo.

#### **[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Ngọc N thấy rằng:**

##### **[3.1] Ông N thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của ông V 04 lần cụ thể:**

Ngày 22/10/2022 vay 150.000.000 đồng (do ông ký tên vay); Ngày 25/10/2022 vay 100.000.000 đồng (do ông ký tên vay); Ngày 08/11/2022 vay 100.000.000 đồng (do bà T ký tên); Ngày 23/11/2022 vay 100.000.000 đồng (bà T ký tên vay). Tổng cộng số tiền vay của ông V là 450.000.000 đồng, do đó ông V

khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông V là phù hợp và có căn cứ. Ông N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc kháng cáo của ông nên không có cơ sở chấp nhận.

**[3.2]** Xét việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ:

Ông N, ông T2 trình bày năm 2023 ông T2, ông N, ông V, không có mặt bà T có thoả thuận miệng với nhau về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ là ông T2 có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng và tiền lãi cho ông V, các bên chỉ thoả thuận miệng, không lập văn bản nhưng ông V không thừa nhận có việc thoả thuận này và ông N, ông T2 cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc có chuyển giao nghĩa vụ nợ. Mặt khác, ông N, ông T2 đều thừa nhận ông T2 vay tiền của ông N, không vay tiền của ông V, vì vậy ông T2 vay tiền của ông N thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông N, còn ông N, bà T vay tiền của ông V thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông V là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó yêu cầu của ông N về chuyển giao nghĩa vụ trả nợ là không có cơ sở chấp nhận.

**[4]** Về lãi suất: Ông V yêu cầu tính mức lãi suất 10%/năm của số tiền nợ gốc còn lại 435.000.000 đồng của 04 khoản vay kể từ ngày 23/11/2022 âm lịch (tức là ngày 16/12/2022 dương lịch) cho đến ngày xét xử nên cấp sơ thẩm tính lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**[5]** Về nghĩa vụ liên đới: Ông N, bà T đều thừa nhận có ký xác nhận vào các tờ cam kết trả nợ cho ông V và nhận tiền vay từ ông V; khoản vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông N, bà T, vì vậy cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông N, bà T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông V là đúng theo quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích nêu trên; Xét thấy cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông N, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V số tiền nợ gốc còn lại là 435.000.000 đồng và tiền lãi 59.329.000 đồng, tổng cộng là 494.329.000 (Bốn trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn) đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó không chấp nhận kháng cáo của ông N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**[6]** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.773.000 đồng.

Ông V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**[7]** Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**[8]** Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông N không được chấp nhận nên ông N phải chịu là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ D; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Ngọc N và bà Nguyễn Thị Mai T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

**2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn V về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với ông Lê Ngọc N, bà Nguyễn Thị Mai T.

Buộc vợ chồng ông Lê Ngọc N và bà Nguyễn Thị Mai T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Thái Văn V tổng cộng số tiền 494.329.000 (Bốn trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 435.000.000 (Bốn trăm ba mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi 59.329.000 (Năm mươi chín triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Ngọc N và bà Nguyễn Thị Mai T phải chịu số tiền 23.773.000 (Hai mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn) đồng án phí.

- Ông Thái Văn V được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện ông đã nộp số tiền 11.000.000 (Mười một triệu) đồng tại Biên lai thu số 0019094 ngày 06-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

**4.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông N phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0009206 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh, ông N đã nộp xong án phí phúc thẩm.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDCC. Tại TP . HCM;
- VKSNDCC. Tại TP . HCM;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.CT;
- CCTHADS H.CT;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Phạm Ngọc Giàu**